



(Trích)

TIỂU DẪN



NGUYỄN ĐÌNH THI

Nguyễn Đình Thi (1924 – 2003) sinh tại Luông Pha-bang (Lào), quê gốc ở làng Vũ Thạch (nay là phố Bà Triệu), Hà Nội. Thuở nhỏ, Nguyễn Đình Thi sống cùng gia đình ở Lào. Năm 1931, ông theo gia đình về nước ; tham gia hoạt động cách mạng từ năm 1941. Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, ông tham gia lãnh đạo Hội Văn hoá cứu quốc và Hội Văn nghệ Việt Nam. Từ năm 1958 đến năm 1989, ông là Tổng thư kí Hội Nhà văn Việt Nam ; từ năm 1995, là Chủ tịch Uỷ ban Toàn quốc Liên hiệp các Hội Văn học – Nghệ thuật Việt Nam.

Nguyễn Đình Thi là một nhà văn hoá, một nghệ sĩ đa tài : viết văn, làm thơ, sáng tác nhạc, soạn kịch, viết lí luận phê bình văn nghệ, biên khảo triết học. Ở lĩnh vực nào, ông cũng có đóng góp đáng ghi nhận. Năm 1996, ông được tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật.

Tác phẩm chính của Nguyễn Đình Thi : các tiểu thuyết *Xung kích* (1951), *Vào lửa* (1966), *Mặt trận trên cao* (1967), *Vỡ bờ* (tập I – 1962, tập II – 1970) ; các tập thơ *Người chiến sĩ* (1956), *Bài thơ Hắc Hải* (1958), *Dòng sông trong xanh* (1974), *Tia nắng* (1983) ; các vở kịch *Con nai đen* (1961), *Hoa và Ngắn* (1975), *Rừng trúc* (1978), *Nguyễn Trãi ở Đông Quan* (1979), *Hòn cuội* (1987) ; các tập tiểu luận *Mấy vấn đề văn học* (1956), *Công việc của người viết tiểu thuyết* (1964).

Tháng 9 – 1949, Hội nghị tranh luận văn nghệ đã được tổ chức ở Việt Bắc. Đây là một hoạt động giúp ích rất nhiều cho phong trào sáng tác văn nghệ. Sau bài thuyết trình *Xây dựng văn nghệ nhân dân* của Tố Hữu, hội nghị thảo luận về phương châm cách mạng hoá tư tưởng, quần chúng hoá sinh hoạt, về chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa, đồng thời tranh luận về kịch (kịch Lộng Chương), về văn (văn Nguyễn Tuân), về thơ (thơ Nguyễn Đình Thi). Nhân ý kiến đóng góp cho thơ Nguyễn Đình Thi, những người tham dự hội nghị còn nói lên quan niệm của mình về thơ nói chung, thơ kháng chiến nói riêng. Nguyễn Đình Thi trình bày quan niệm của mình về thơ trong bài *Mấy ý nghĩ về thơ*. Bài viết này về sau được đưa vào tập *Mấy vấn đề văn học*.

VĂN BẢN

(Lược đoạn đầu : Với dụng ý tranh luận, Nguyễn Đình Thi nêu ra rồi bác bỏ một số quan niệm có phần phiến diện về thơ – có người cho “thơ là ở những lời đẹp”, lại có người cho “thơ khác với các thể văn khác ở chỗ thơ in sâu vào trí nhớ”...)

Đầu mối của thơ có lẽ ta đi tìm bên trong tâm hồn con người chăng ? Ta nói trời xanh hôm nay nên thơ nhưng chính ra là lòng chúng ta mang một nỗi niềm vui buồn nào mà muốn làm thơ hoặc đọc thơ về trời xanh. Mưa phùn buổi chiều gợi những câu thơ nào nhớ nhưng, nhưng chính nỗi nhớ nhưng gặp buổi chiều mưa mà muốn thì thầm những câu thơ chưa thành hình rõ.

[...] Tâm hồn chúng ta có một rung động thơ khi nó ra khỏi tình trạng bình thường, khi nó không còn chuỗi theo thói quen như một dây da trong bộ máy, khi nó thức tỉnh tự soi vào nó để tự nhận thấy đang ở một độ rung chuyển khác thường, do một sự va chạm nào với thế giới bên ngoài, với thiên nhiên, với những người khác, rồi do sự tự soi sáng ấy mà cảm xúc thành hình được hẳn.

Làm thơ, ấy là dùng lời và những dấu hiệu thay cho lời nói, tức là chữ – để thể hiện một trạng thái tâm lí đang rung chuyển khác thường. Làm thơ là đang sống, không phải chỉ nhìn lại sự sống, làm một câu thơ yêu, tâm hồn cũng rung động như khi có người yêu trước mặt. Bài thơ là những câu, những lời diễn lên, làm sống ngay lên một tình cảm, một nỗi niềm trong lòng người đọc. Bài thơ là sợi dây truyền tình cảm cho người đọc. Ta nói truyền sang hình như người đọc chỉ đứng yên mà nhận. Nhưng kì thực, cái trạng thái tâm lí truyền sang ấy là người đọc tự tạo cho mình, khi nhìn những chữ, khi nghe những lời, khi mọi sợi dây của tâm hồn rung lên vì chạm thấy những hình ảnh, những ý nghĩ, những mong muốn, những tình cảm mà lời và chữ của bài thơ kéo theo đằng sau như vùng sáng xung quanh ngọn lửa.

Nói đến hình ảnh trong thơ. Thơ là tiếng nói đầu tiên, tiếng nói thứ nhất của tâm hồn khi đụng chạm với cuộc sống. Toé lên ở những nơi giao nhau của tâm hồn với ngoại vật, trước hết là những cảm xúc. Cảm xúc là phần thật xương hơn cả của đời sống tâm hồn.

Thơ phải có tư tưởng, có ý thức, vì bất cứ cảm xúc, tình tự nào của con người cũng dính liền với sự suy nghĩ. Nhưng tư tưởng trong thơ là tư tưởng dính liền với cuộc sống, ở trong cuộc sống. Tư tưởng của thơ nằm ngay trong cảm xúc, tình tự. Không ai đọc thơ riêng bằng trí thức⁽¹⁾ mà yêu thơ. Hiểu thơ kì thực là vấn đề của cả tâm hồn.

(1) *Trí thức* : ở đây có nghĩa là lí trí.

Nên thơ không nói bằng ý niệm thuần túy. Nói bằng ý niệm chúng ta sẽ có triết học, luận lí hay vệ sinh chứ không có thơ. Thơ tìm nói với một sự suy nghĩ toàn diện hơn là suy nghĩ riêng theo luận lí. Thơ muốn lay động những chiều sâu của tâm hồn, đem cảm xúc mà đi thẳng vào sự suy nghĩ.

*Trên trời có đám mây xanh
Ở giữa mây trắng, xung quanh mây vàng
Ước gì anh lấy được nàng...*

Nhà luận lí ngồi khảo cứu mãi xem vì sao mà chuyện mây trắng mây vàng lại đưa đến chuyện anh với nàng. Luận lí chưa hiểu, nhưng cả tâm hồn chúng ta đã hiểu và âm vang theo.

[...] Cho nên làm thơ không phải là phiên dịch ý tình bằng hình ảnh cầu kì.

Hình ảnh của thơ trái lại, phải là hình ảnh thực nảy lên trong tâm hồn khi ta sống trong một cảnh huống hoặc trạng thái nào đấy. Đụng chạm với hành động hằng ngày, tâm hồn nảy lên bao nhiêu hình ảnh như những tia lửa toé lên khi búa đập vào sắt trên đe. Người làm thơ lượm những tia lửa ấy, kết nên một bó sáng, nó là hình ảnh thơ. Người chinh phụ đứng trước nhà ngóng theo bóng chồng, chỉ còn nghe thấy tiếng địch thổi, bấy giờ nói lên cho ta điều ấy và thơ Việt Nam đã có câu: “Tiếng địch thổi nghe chừng đồng vọng”⁽¹⁾. Câu thơ giản dị như câu nói thường mà ngân vang mãi. Thơ là nơi tư tưởng, tình tự, quán quyết với hình ảnh như hồn với xác để tạo ra cái biết toàn thể, biết bằng tất cả tâm hồn, không phải chỉ biết bằng ý niệm, bằng ý thức.

[...] Thực trong thơ, là tìm được những hình ảnh sống, những hình ảnh có sức lôi cuốn và thuyết phục người đọc. Người làm thơ bắt chợt trong lòng mình một ý nghĩ hay tình cảm, dù thành thực và sâu sắc, cũng không vội dừng lại, đem những tiếng có vần điệu chằng lưới bắt lấy ý nghĩ hay tình cảm ấy. Anh ta còn phải thấy được những hình ảnh trong ý nghĩ hay tình cảm của mình, thì tiếng nói của anh mới truyền cảm sâu sắc được cho người khác.

“Tìm hình ảnh”, nói như vậy tưởng chừng việc làm thơ là đào vào trong tâm hồn mình, cố gắng nặn nọt. Cũng có trường hợp như vậy, nhưng thực ra đáng lẽ là nhà thơ đi giữa cuộc đời, mở rộng cả tâm hồn mình thì mỗi con mắt nhìn gặp trên đường, mỗi cảnh ngộ, mỗi con người cho đến mỗi tiếng nghe thấy, mỗi giọt nắng, mỗi chiếc lá tự nhiên mà vào trong lòng, để rồi động sâu

(1) *Tiếng địch thổi nghe chừng đồng vọng*: câu thơ trong *Chinh phụ ngâm*.

đến tư tưởng và tình cảm. Trong việc làm thơ bấy giờ, hình ảnh tự nhiên hiện lên trước nhất.

Những hình ảnh còn tươi nguyên, mà nhà thơ tìm thấy, bao giờ cũng mới mẻ, đột ngột lạ lùng. Vì nhà thơ nhìn bằng con mắt của người đầu tiên. Đó là những hình ảnh mới tinh, chưa có vết nhoà của thói quen, không bị rập khuôn vào những ý niệm trừu tượng định trước. Mượn câu nói của một nhà văn Pháp, nhà thơ bao giờ cũng là ngôi thứ nhất. Nhưng những hình ảnh mới lạ ấy đều ở trong đời thực, chúng ta đều thấy. Hình ảnh của thơ vừa làm ta ngạc nhiên, vừa đã quen với chúng ta tự bao giờ. Câu thơ đột ngột làm cho ta nhận thấy những cái gần gũi nhất với chúng ta. Trước kia, ta vẫn gặp mà không biết nhìn.

[...] Chữ buồn ai cũng hiểu nghĩa, nhưng nói “tôi buồn” chưa làm cho ai buồn cả. Đó mới là một ý niệm. Cũng như nói trời lạnh, hoa trắng, ai cũng biết cả, nhưng chưa đủ làm cho ai thấy lạnh, thấy trắng. Mỗi chữ và tiếng mới như một ngọn nến trắng cất bằng giấy dán trên nền đen. Mỗi ngọn nến vẫn trắng như nền đen vẫn đen. Mỗi chữ là một nghĩa nhưng bài thơ vẫn chưa có hồn.

Chữ và tiếng trong thơ phải còn có một giá trị khác, ngoài giá trị ý niệm. Người làm thơ chọn chữ và tiếng không những vì ý nghĩa của nó, cái nghĩa thế nào là thế ấy, đóng lại trong một khung sắt. Điều kì diệu của thơ là mỗi tiếng, mỗi chữ, ngoài cái nghĩa của nó, ngoài công dụng gọi tên sự vật, bỗng tự phá tung mở rộng ra, gọi đến xung quanh nó những cảm xúc, những hình ảnh không ngờ, toả ra xung quanh nó một vùng ánh sáng động đậy. Sức mạnh nhất của câu thơ là ở sức gọi ấy. Câu thơ hay, có cái gì làm rung những chiếc cốc kia trên bàn, làm động ánh trăng kia trên bờ đê. “Chim hôm thoi thót về rừng...”⁽¹⁾. Chúng ta đọc mà thấy rõ buổi chiều như hơi thở tắt dần, câu thơ không còn là một ý, một bức ảnh gắng gượng chụp lại cảnh chiều, nó đã bao phủ một vàng linh động truyền sang lòng ta cái nhịp phập phồng của buổi chiều. Mỗi chữ như một ngọn nến đang cháy, những ngọn nến ấy xếp bên nhau thành một vùng sáng chung. Ánh sáng không những ở đầu ngọn nến, nó ở tất cả xung quanh những ngọn nến. Ý thơ không những trong những chữ, nó vẫy bọc xung quanh. Người xưa nói : Thi tại ngôn ngoại⁽²⁾.

Cái kì diệu ấy của tiếng nói trong thơ, có lẽ chẳng ta tìm nó trong nhịp điệu, trong nhạc của thơ. Nhịp điệu của thơ không những là nhịp điệu bằng

(1) *Chim hôm thoi thót về rừng* : câu thơ trong *Truyện Kiều*.

(2) *Thi tại ngôn ngoại* : ý thơ ở ngoài lời thơ.

bằng, trắc trắc, lên bổng xuống trầm như tiếng đàn êm tai, một người ngoại quốc không biết tiếng ta cũng có thể nghe thấy được. Nhạc của thơ không giới hạn ở thứ nhạc ngoài tai ấy. Thơ có một thứ nhạc nữa, một thứ nhịp điệu bên trong, một thứ nhịp điệu của hình ảnh, tình ý, nói chung là của tâm hồn. Ngâm thơ véo von mới làm cho ta nghe thấy tiếng bổng trầm của bằng trắc, chép thơ, đọc thơ bằng mắt, hoặc đọc lên như khi ta nói, có lẽ dễ cho chúng ta nghe thấy hơn tiếng nhịp điệu thực của thơ. Đó là nhịp điệu hình thành của những cảm xúc, hình ảnh, liên tiếp hoà hợp, mà những tiếng và chữ gọi ra như những ngân vang dài, ngay những khoảng lung linh giữa chữ, những khoảng im lặng cũng là nơi trú ngụ kín đáo của sự xúc động.

Đường đi của thơ là con đường đưa thẳng vào tình cảm, không quanh co, qua những chặng, những trung gian, những cột cây số. Văn xuôi lôi cuốn người như dòng nước, đưa ta đi lần lượt, từ điểm này qua điểm khác. Thơ, trái lại, chỉ chọn một ít điểm chính, bám vào những điểm ấy thì toàn thể động lên theo.

Thơ là tổng hợp, kết tinh. Văn xuôi được phép không mười phần hoàn hảo, nhưng thơ thì luôn luôn đòi hỏi sự toàn bích.

Cuối cùng, tôi muốn nói tới vấn đề thơ tự do, thơ không vần. Theo tôi, những luật lệ của thơ, từ âm điệu, đến vần, đều là những vũ khí rất mạnh trong tay người làm thơ. Nhưng không phải hề thiếu những vũ khí ấy là trận đánh nhất định thua. Thiếu vũ khí ấy, trận đánh gay go thêm nhiều, nhưng người làm thơ vẫn có thể thắng.

Câu chuyện vần hay không vần ở thơ ta gần đây cũng được đem ra bàn cãi. Có bạn cho rằng thơ Việt Nam, khác với thơ các nước, không thể thiếu vần. Tiếng Việt Nam có đứng riêng hẳn như thế không? Thơ Việt Nam có thể bỏ vần mà văn Việt Nam hay không? Thiết tưởng cách đáp hay hơn cả là để cho tìm tòi, thử thách. Không có lí luận nào bằng sự thử thách của thực tại.

Riêng tôi nghĩ rằng, không có vấn đề thơ tự do, thơ có vần và thơ không có vần. Chỉ có thơ thực và thơ giả, thơ hay và thơ không hay, thơ và không thơ. Mỗi thể thơ có một khả năng, một thứ nhịp điệu riêng của nó, nhưng nếu theo dõi những thời lớn của thơ đi cùng nhịp với những thời kì lớn của lịch sử, thì một thời đại mới của nghệ thuật thường bao giờ cũng tạo ra một hình thức mới. Thơ của một thời mới, trong những bước đầu, ít khi chịu những hình thức đều đặn, cố định. Nó chạy tung về những chân trời mở rộng để tìm kiếm, thử sức mới của nó. Rồi thời đại vững lại, thơ nảy nở trong những hình thức trong sáng đã tìm thấy.

Những hình thức ấy gồm có những phát minh mới, cùng với những hình thức cũ, nhưng bao giờ cũng đã tái tạo và nâng cao đến một độ khác hẳn xưa.

Thơ chúng ta ngày nay đang ở tuổi trẻ nhất của thời đại mới. Nhịp sống chúng ta, từ sau Cách mạng, đập lên nhiều phen dữ dội đến bàng hoàng, đồng thời mở rộng ào ạt. Chúng ta không còn sống khoan thai như một thời nào trước. Nhịp điệu cũ, theo tôi, không còn đủ cho thơ của chúng ta. Nhiều nhà thơ đang đập vỡ để xây dựng, thơ tìm tòi trăm nghìn phía nhưng lúc nào cũng là một sức đang lên như thổi.

Tôi cho rằng chúng ta không nên lo thơ đi vào hình thức này hay hình thức khác. Mà trước hết nên lo sao thơ phải nói lên được những tình cảm, tư tưởng mới của thời đại. Dùng bất cứ hình thức nào, miễn là thơ diễn tả được đúng tâm hồn con người mới ngày nay.

Vượt khỏi tất cả mọi luật lệ, không phải thơ trở nên buông thả, bừa bãi. Sự cấu thả, buông lỏng chưa bao giờ đi đôi được với nghệ thuật. Nhưng câu chuyện luật lệ trong thơ cũng như câu chuyện kỉ luật trong cách mạng. Kỉ luật của những tổ chức cách mạng chưa bao giờ dựa trên sự trừng phạt đe dọa mà tồn tại được, kỉ luật ấy phải tự giác mới bền vững. Nghệ thuật có kỉ luật sắt của nó, nhưng đó không thể là những trói buộc, lễ lối định sẵn bên ngoài. Nó phải là sự tự kiểm soát, tự chủ từ bên trong sự sáng tác mà ra. Bỏ những luật lệ máy móc bên ngoài, những luật lệ bản thân của nghệ thuật, những luật lệ từ bên trong mà ra, chỉ càng quan trọng hơn. Đập đổ bức tường giam trước mặt rồi, giới hạn chỉ còn do sức đi xa của mình.

12 - 9 - 1949

*(Tuyển tác phẩm văn học Nguyễn Đình Thi,
Tiểu luận - Bút kí, NXB Văn học, Hà Nội, 2001)*

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. Nguyễn Đình Thi lí giải như thế nào về đặc trưng cơ bản nhất của thơ là biểu hiện tâm hồn con người ?
2. Những yếu tố đặc trưng khác của thơ : hình ảnh, tư tưởng, cảm xúc, cái thực,... đã được Nguyễn Đình Thi giới thiệu ra sao ?
3. Theo Nguyễn Đình Thi, ngôn ngữ thơ có gì đặc biệt so với ngôn ngữ các thể loại văn học khác ? Nguyễn Đình Thi quan niệm như thế nào về thơ tự do, thơ không vần ?
4. Nêu rõ nét tài hoa của Nguyễn Đình Thi trong nghệ thuật lập luận, đưa dẫn chứng, sử dụng từ ngữ, hình ảnh,... để làm sáng tỏ từng vấn đề đặt ra.
5. Quan niệm về thơ của Nguyễn Đình Thi ngày nay còn có giá trị không ? Vì sao ?